



**THÔNG BÁO THU PHÍ VÀ LỆ PHÍ
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA UBND HUYỆN**

STT	NỘI DUNG	MỨC THU VÀ MIỄN GIẢM
I	LĨNH VỰC Y TẾ	
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	700.000 đồng/lần/cơ sở.
II	LĨNH VỰC NỘI VỤ	
A	LĨNH VỰC VIÊN CHỨC	
1	Thi tuyển viên chức	<p>1. Thi tuyển viên chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 100 thí sinh: mức thu 500.000 đồng/thí sinh/lần; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: mức thu 400.000 đồng/thí sinh/lần; - Từ 500 thí sinh trở lên: mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần. <p>2. Phức khảo: 150.000 đồng/bài thi</p>
2	Xét tuyển viên chức	<ul style="list-style-type: none"> - Dưới 100 thí sinh: mức thu 500.000 đồng/thí sinh/lần; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: mức thu 400.000; đồng/thí sinh/lần; - Từ 500 thí sinh trở lên: mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần.
3	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	<p>1. Dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III, hạng IV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 100 thí sinh: mức thu 700.000 đồng/thí sinh/lần; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: mức thu 600.000 đồng/thí sinh/lần;

		- Từ 500 thí sinh trở lên: mức thu 500.000 đồng/thí sinh/lần. 2. Phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi.
III	LĨNH VỰC XÂY DỰNG	
1	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế cơ sở.	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2	Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán xây dựng.	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý	2.000.000 đ/1 giấy phép.
IV	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG	
1	Cấp phép xây dựng mới (công trình xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp Trung ương).	150.000 đ/giấy.
2	Cấp phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ.	75.000 đ/giấy phép.
3	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo công trình	150.000 đ/giấy phép cấp cho công trình và 75.000đ/giấy phép cấp cho công trình nhà ở riêng lẻ.
4	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời công trình	150.000 đ/giấy phép.
5	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng có thời hạn	150.000 đ/giấy phép cấp cho công trình và 75.000 đ/giấy phép cấp cho công trình nhà ở riêng lẻ.
6	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	150.000đ/giấy phép cấp cho công trình, 75.000 đ/giấy phép cấp cho công trình.
7	Gia hạn giấy phép xây dựng	150.000đ/giấy phép cấp cho công trình, 75.000 đ/giấy phép cấp cho công trình.
8	Cấp lại giấy phép xây dựng	150.000đ/giấy phép cấp cho công trình, 75.000 đ/giấy phép cấp cho công trình.
V	LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG	
1	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	700.000 đ (gồm 100.000 đ/ giấy phép và 600.000 đ/ phí thẩm định).
	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu	700.000 đ (gồm 100.000 đ/ giấy phép và 600.000 đ/ phí

2		thẩm định).
3	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu	700.000 đ (gồm 100.000 đ/ giấy phép và 600.000 đ/ phí thẩm định).
4	Cấp giấy phép bán lẻ rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	700.000 đ (gồm 100.000 đ/ giấy phép và 600.000 đ/ phí thẩm định).
5	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	700.000 đ (gồm 100.000 đ/ giấy phép và 600.000 đ/ phí thẩm định).
6	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	700.000 đ (gồm 100.000 đ/ giấy phép và 600.000 đ/ phí thẩm định).
7	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	700.000 đ (gồm 100.000 đ/ giấy phép và 600.000 đ/ phí thẩm định).
8	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	700.000 đ (gồm 100.000 đ/ giấy phép và 600.000 đ/ phí thẩm định).
9	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	700.000 đ (gồm 100.000 đ/ giấy phép và 600.000 đ/ phí thẩm định).
10	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	300.000 đ (gồm 100.000 đ/ giấy phép và 200.000 đ/ phí thẩm định).
11	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	300.000 đ (gồm 100.000 đ/ giấy phép và 200.000 đ/ phí thẩm định).
12	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	300.000 đ (gồm 100.000 đ/ giấy phép và 200.000 đ/ phí thẩm định).
VI	LĨNH VỰC TƯ PHÁP	
1	Phí chứng thực bản sao từ bản chính	2.000 đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.
2	Phí chứng thực chữ ký	10.000 đồng/trường hợp. Trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản.
3	Phí chứng thực hợp đồng, giao dịch:	

a	Chứng thực hợp đồng, giao dịch	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.
b	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.
c	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.
4	Khai sinh	
a	Đăng ký khai sinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 75.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 37.000 đ; Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
b	Đăng ký lại việc khai sinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 75.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 37.000 đ; Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
5	Khai tử	
a	Đăng ký khai tử	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 75.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 37.000 đ; Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
b	Đăng ký lại khai tử	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 50.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 25.000 đ; Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
6	Kết hôn	
a	Đăng ký kết hôn	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 1.500.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 750.000 đ; Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
b	Đăng ký lại kết hôn	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 1.500.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 750.000 đ; Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

7	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 1.500.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 750.000 đ; Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
8	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	8.000đ/01 bản sao; Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
9	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người đủ 14 tuổi trở lên, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 25.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 12.000 đ; Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
10	Giám hộ	
a	Đăng ký giám hộ	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 50.000 đ - Nộp hồ sơ trực tuyến: 25.000 đ Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật
b	Chấm dứt, thay đổi giám hộ	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 50.000 đ - Nộp hồ sơ trực tuyến: 25.000 đ Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 50.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 25.000 đ; Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
12	Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 50.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 25.000 đ; Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.
VII	THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH	
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 50.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 0 đ.
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 30.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 0 đ.

3	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 30.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 0 đ.
VIII	THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ	
1	Cấp mới	
a	Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 50.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 0 đ.
b	Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 50.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 0 đ.
2	Cấp lại, thay đổi nội dung giấy chứng nhận kinh doanh	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 30.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 0 đ.
3	Cấp bản sao giấy chứng nhận ĐKKD, giấy chứng nhận thay đổi ĐKKD hoặc bản trích lục nội dung ĐKKD	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 2.000 đ; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 0 đ.
IX	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đ/cơ sở; - Thẩm định định kỳ điều kiện ATTP: 350.000 đ/cơ sở.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đ/cơ sở; - Thẩm định định kỳ điều kiện ATTP: 350.000 đ/cơ sở.
X	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI	
1	Đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	70.000 đ/lần/phương tiện.
2	Đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện đang	70.000 đ/lần/phương tiện.
3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	70.000 đ/lần/phương tiện.
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	70.000 đ/lần/phương tiện

5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	70.000 đ/lần/phương tiện
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	70.000 đ/lần/phương tiện
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	70.000 đ/lần/phương tiện
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	70.000 đ/lần/phương tiện
9	Xoá đăng ký phương tiện	70.000 đ/lần/phương tiện
XI	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI, MÔI TRƯỜNG	
1	Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	
a	Hộ gia đình, cá nhân	
a.1	Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp chỉ chứng nhận quyền sử dụng đất: Các xã, thị trấn	410.00 đ (Phí 400.000 đ; Lệ phí: 10.000 đ) Miễn không thu phí: Người sử dụng đất là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.
a.2	Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: Các xã, thị trấn	550.000 đ (Phí 500.000 đ, lệ phí 50.000 đ); Miễn không thu phí: Người sử dụng đất là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.
b	Tổ chức	

b.1	Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp chỉ chứng nhận quyền sử dụng đất	1.100.000 đ; (Phí 1.000.000 đ; Lệ phí: 100.000 đ)
b.2	Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	1.700.000 đ (Phí: 1.200.000 đ; Lệ phí: 500.000 đ)
2	Thẩm định hồ sơ cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	
a	Hộ gia đình, cá nhân	
a.1	Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất	210.000 (Phí: 200.000 đ; Lệ phí 10.000 đồng) Miễn không thu phí: Người sử dụng đất là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.
a.2	Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	275.000 đ (Phí: 250.000 đ; Lệ phí: 25.000 đ) Miễn không thu phí: Người sử dụng đất là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.
3	Tổ chức	
a	Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất	350.000 đ (Phí: 300.000 đ; Lệ phí: 50.000 đồng).
b	Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	450.000 đ (Phí: 400.000 đ; Lệ phí: 50.000 đ)
4	Thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất mà phải cấp mới giấy chứng nhận hoặc chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp	

a	Hộ gia đình, cá nhân	
a.1	Thẩm định hồ sơ biến động quyền sử dụng đất	260.000 đ (Phí: 250.000 đ; Lệ phí: 10.000 đ) Miễn không thu phí: Người sử dụng đất là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.
a.2	Thẩm định hồ sơ biến động quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	375.000 đ (Phí: 350.000 đ; Lệ phí: 25.000 đ) Miễn không thu phí: Người sử dụng đất là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.
b	Tổ chức	
b.1	Thẩm định hồ sơ biến động quyền sử dụng đất	850.000 đ (Phí: 800.000 đ; Lệ phí: 50.000 đ)
b.2	Thẩm định hồ sơ biến động quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	1.050.000 đồng (Phí: 1.000.000 đ; Lệ phí: 50.000 đ)
5	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai	100.000 đ/hồ sơ (không bao gồm chi phí in ấn, phô tô tài liệu); Miễn không thu phí: Người sử dụng đất là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.
6	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	30.000đ/01 lần/01 thửa đất; Miễn không thu phí: Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với các mạng; Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng; Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên.

7	Đăng ký văn bản thông báo về xử lý tài sản bảo đảm	<p>70.000 đ; Miễn không thu phí: - Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng; - Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/52015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.</p>
8	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký	<p>60.000 đ; Miễn không thu phí: - Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng; - Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/52015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.</p>
9	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm	<p>20.000 đ; Miễn không thu phí: - Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng; - Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/52015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.</p>
10	Đăng ký văn bản thông báo về xử lý tài sản bảo đảm	<p>70.000 đ; Miễn không thu phí: - Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng; - Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/52015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.</p>

11	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký	60.000 đ Miễn không thu phí: - Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng; - Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.
12	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Theo đơn giá tại quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 30/09/2014 của UBND tỉnh Hưng Yên
13	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	- Cá nhân, hộ gia đình: 5.000 đ; Miễn không thu lệ phí: Người sử dụng đất là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Tổ chức: 30.000 đ
14	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	- Đối với các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện (trừ dự án/cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Khoản 8, Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường): 6.800.000 đồng/ 01 giấy phép; - Đối với các dự án/cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Khoản 8, Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: 3.880.000 đồng/ 01 giấy phép.

Lưu ý: Mức thu phí, lệ phí nêu trên căn cứ theo quy định của nhà nước; mọi ý kiến phản ánh công dân, tổ chức có thể trực tiếp hỏi cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp nhận hồ sơ hoặc bằng văn bản gửi Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện./.